TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U** **TỈNH C**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 196/2024/DS-ST Ngày 05-12-2024 V/v tranh chấp "Tiền hụi, hợp đồng mua bán"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U, TỈNH C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Đức Tính;

2. Ông Trịnh Thanh Trần.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh C.

Ngày 05 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 262/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc Tranh chấp hụi và tranh chấp hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 282/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: 1. Ông Võ Thanh T. Sinh năm: 1980.

2. Bà Nguyễn Thị C. Sinh năm: 1984.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh C.

- Bị đơn: Ông Đỗ Minh C1. Sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh C.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 9 năm 2024, quá trình tố tụng nguyên đơn ông Võ Thanh T và bà Nguyễn Thị C cùng trình bày: Vào ngày 02/10/2023, ông T và ông Đỗ Minh C1 có làm hợp đồng thỏa thuận bán lá chuối, thời gian thu mua là 12 tháng kể từ ngày 02/10/2023. Ông C1 tạm ứng số tiền là 30.000.000 đồng, khi thu hoạch 02 tháng cuối năm thì trừ vào số tiền ông C1 đã tạm ứng. Sau khi thu hoạch được 03 tháng, ông bà đã trả tiền cho ông C1 đầy đủ, không có trừ vào số tiền tạm ứng. Đến ngày 02 tháng 01 năm 2024 thì ông C1 không cho vào cắt lá chuối, ông C1 tự ý bán cho người khác mà không trả tiền tạm ứng, và đã tự ý chấm dứt hợp đồng. Ông bà yêu cầu ông C1 trả lại số tiền mà ông C1 đã nhận tạm

ứng nhưng ông C1 không trả. Vào ngày 29/07/2024 ông C1 có ký văn bản thỏa thuận thừa nhận là có nợ ông bà số tiền bán lá chuối là 21.160.000 đồng, hứa đến ngày 29/08/2024 trả nhưng đến ngày hẹn ông C1 không thực hiện. Khi hai bên xảy ra tranh chấp thì ông C1 có đem tiền ra đưa nhưng ông bà không đồng ý nhận vì ông bà không đồng ý thanh lý hợp đồng theo yêu cầu ông C1.

Về tiền hụi: Ông C1 có tham gia chơi hụi do vợ chồng ông bà làm chủ, hụi mở ngày 01/9/2023 âm lịch, loại hụi 2.000.000đ/tháng, có hai tổ đều có 23 chân, ông C2 tham gia chơi 03 chưng mỗi tổ, tổng cộng 06 chân, đã hốt 02 chưng của tổ A và 01 chân tổ B, còn 03 chưng hụi sống chưa hốt. Hụi sống ông C1 đóng mỗi chưng được 04 kỳ thì ngưng không đóng, đối với 03 chân hụi sống này thì khi nào hụi mãn thì vợ chồng ông bà trả lại cho ông C1 theo giá hụi chết. Ngày 29/07/2024 ông C1 có ký văn bản thỏa thuận thừa nhận có nợ ông bà số tiền hụi chết 03 chưng tính đến ngày 01/06/2024 là 36.000.000 đồng. Nhưng đến ngày hẹn ông C1 không đóng hụi chết nên tính đến 01/8/2024 ông C1 nợ hụi chết là 8 tháng là 48.000.000 đồng. Nay vợ chồng ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đỗ Minh C1 phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông bà là 69.160.000 đồng gồm tiền lá chuối và tiền hụi.

Tại phiên tòa, ông T và bà C cùng trình bày: ông bà vẫn giữ yêu cầu khởi kiện về việc đòi ông C1 trả lại số tiền tạm ứng còn thiếu là 21.160.000 đồng, về tiền hụi tính đến ngày 01/8/2024 âm lịch còn thiếu là 08 tháng bằng 48.000.000 đồng. Đối với số tiền 25.000.000 đồng, bà C xác định có nhận do ông C1 trả vào khoảng 27, 28 tết nguyên đán tết năm 2023, số tiền này trừ vào tiền hụi và tiền mượn của ông C1 còn thiếu trước đó chứ không phải tiền tạm ứng lá chuối như ông C1 trình bày. Ông C1 yêu cầu đối trừ hụi sống với hụi chết thì bà C không đồng ý, vì hụi sống là ông C1 tham gia chơi 04 kỳ rồi tự ý ngưng đóng nên khi nào hụi mãn thì mới trả tiền hụi lại cho ông C1 theo giá hụi chết là 24.000.000 đồng.

- Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Đỗ Minh C1 trình bày: trước đây ông với ông T có thoả thuận bán lá chuối giá 2.000 đồng/kg, trong diện tích 8km nhưng giá thị trường đã lên 2.500 đồng/kg thì ông thoả thuận lại với ông T nhiều lần yêu cầu lên giá nhưng phía ông T không đồng ý. Nên khi ông T, bà C thu hoạch được 05 tháng thì yêu cầu thanh lý hợp đồng, không đồng ý để ông T tiếp tục cắt lá chuối. Đối với tiền tạm ứng lá chuối 30.000.000 đồng, ông T có đầu tư 30.000.000 đồng, khi ông yêu cầu thanh lý hợp đồng thì có đến nhà ông T trả 02 lần nhưng ông T không nhận, ông T nói để kiện ra Toà. Sau đó ông có gởi cho bà C số tiền 25.000.000 đồng, bà C nhận và có ghi biên nhận cho ông. Ông xác định chỉ còn nợ ông T tiền đầu tư lá chuối 5.000.000 đồng và đồng ý trả cho ông T số tiền 5.000.000 đồng.

Về tiền hụi: ông có tham gia 06 chân hụi do bà C3 làm chủ, loại hụi 2.000.000 đồng/tháng, đã hốt 03 chân hụi, khi hốt là mỗi chân đều đóng được 05 kỳ, còn nợ hụi chết từ tháng 02/2024 âm lịch đến nay. Còn lại 03 chân sống chưa hốt, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên ông nhờ chủ hụi là bà C giao lại cho người khác để lấy tiền ra đóng hụi chết lại cho bà C hàng tháng, bà C đồng ý nhưng khi ngưng đóng đến nay thì bà C không trả lại tiền 03 chân hụi sống. Khi ngưng đóng hụi thì

mỗi chân hụi sống ông đã đóng được 05 kỳ. Ông yêu cầu Toà án đối trừ 03 chân hụi sống với 03 chân hụi chết, còn bao nhiêu thì ông trả cho bà C, ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Võ Thanh T và bà Nguyễn Thị C yêu cầu ông Đỗ Minh C1 trả tiền hụi và tiền tạm ứng bán lá chuối, tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp dân sự về hụi và hợp đồng mua bán thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét thấy quá trình tố tụng và tại phiên tòa, các đương sự xác định có thực giao dịch mua bán lá chuối trên diện tích 8km, ông C1 có nhận tạm ứng cho việc mua bán là 30.000.000 đồng, đây là giao dịch thực tế có xảy ra được thể hiện tại Hợp đồng thỏa thuận bán lá chuối có ông C1 ký vào ngày 02/10/2024, được các đương sự thừa nhận là chứng cứ không phải chứng minh. Quá trình thực hiện giao dịch thì xảy ra tranh chấp dẫn đến ông T, bà C ngừng việc cắt lá chuối theo hợp đồng, sau đó các bên đã đối chiếu xác định ông C1 còn nợ lại số tiền 21.160.000 đồng theo văn bản thỏa thuận ngày 29/7/2024. Ông C1 cho rằng đã trả cho bà C số tiền 25.000.000 đồng nhưng bà C không thừa nhận, ông C1 không cung cấp được biên nhận thể hiện việc đã trả tiền tạm ứng nên không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của ông C1 về việc đã trả tiền tạm ứng 25.000.000 đồng. Theo văn bản thỏa thuận ngày 29/7/2024 mà ông C1 đã ký thể hiện ông C1 còn nợ tiền tạm ứng là 21.160.000 đồng nên ông T, bà C đòi ông C1 trả lại số tiền này đồng là có căn cứ chấp nhận.

Về tiền hụi, bà C, ông T và ông C1 cùng xác định ông C1 có tham gia hụi do bà C, ông T là chủ, loại hụi 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 01/9/2023 âm lịch, ông C1 tham gia 02 dây tổ A và tổ B, mỗi dây 3 chân, đã hốt 03 chân, còn lại 03 chân chưa hốt. Ông C1 cho rằng ông đã đóng hụi được 5, 6 tháng nhưng theo văn bản thỏa thuận ngày 29/7/2024 có ông C1 ký xác nhận thể hiện tính đến 01/6/2024 ông C1 còn nợ tiền hụi chết là 36.000.000 đồng, tiền hụi chết tính của 3 chân thì mỗi tháng phải đóng 6.000.000 đồng, điều này, thể hiện ông C1 nợ tiền hụi của bà C, ông T từ tháng 01 năm 2024 âm lịch. Bà C và ông T xác định ông C1 còn nợ tiền hụi chưa đóng tính đến 01/8/2024 là 8 tháng với số tiền 69.160.000 đồng và yêu cầu ông C1 trả số tiền này là có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Đỗ Minh C1 có nghĩa vụ trả cho ông Võ Thanh T và bà Nguyễn Thị C tổng cộng là 69.160.000 đồng, trong đó tiền hụi tính đến ngày 01/8/2024 âm lịch là 48.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Đối với việc yêu cầu được nhận lại tiền hụi đã đóng của 3 chân hụi của ông C1 thì thấy rằng bà C và ông T không đồng ý, theo quy định tại Điều 10 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường thì người rút khỏi dây hụi được nhận lại tiền hụi đã góp tại thời điểm kết

thúc dây họ nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu nhận lại tiền hụi của ông C1, khi hụi mãn có tranh chấp thì có quyền khởi kiện vụ án khác.

[3] Về án phí: Yêu cầu của ông T, bà C được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Ông C1 phải chịu án phí là 69.160.000 đồng x 5% = 3.458.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 144; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 385, 401, 402, 422, 471 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thanh T và bà Nguyễn Thị C đối với ông Đỗ Minh C1 về việc trả tiền hụi và tiền tạm ứng. Buộc ông Đỗ Minh C1 có nghĩa vụ trả cho ông Võ Thanh T và bà Nguyễn Thị C số tiền tổng cộng là 69.160.000 (Sáu mươi chín triệu, một trăm sáu mươi ngàn) đồng, trong đó tiền hụi tính đến ngày 01/8/2024 âm lịch là 48.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành các khoản tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Đỗ Minh C1 phải chịu là 3.458.000 (Ba triệu, bốn trăm năm mươi tám ngàn) đồng.

Ông Võ Thanh T và bà Nguyễn Thị C được hoàn trả tạm ứng án phí đã nộp số tiền 1.729.000 (Một triệu, bảy trăm hai mươi chín ngàn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006744 ngày 15/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U, tỉnh C.

- Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh C;
- VKSND huyện U;
- Chi cục THADS huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Việt Hằng